

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC - VTYT THANH HÓA**

Số: 128 /CB-THEPHACO

V/v Công bố Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
- Mã chứng khoán: DTH
- Địa chỉ: Số 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại liên hệ: 02373 737 888 Fax: 02373 855 209
- Email: tkhdqtthephaco@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố

Công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty CP Dược – VTYT Thanh Hóa.

- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 31/03/2023 tại đường dẫn: <http://thephaco.vn/c/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty CP Dược – VTYT Thanh Hóa.



Phan Thảo Linh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA**

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Dược Vật tư Y Tế Thanh Hóa theo Quyết định số 3664/QĐ-CT ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800231948, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ 15 ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại : 02373 737 888
- Fax : 02373 855 209

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa tại Thành phố Hà Nội	Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa tại thành phố Hải Phòng	Thôn Quỳnh Hoàng – xã Nam Sơn – huyện An Dương – Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa	Số 652/25/4 Cộng hòa Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh thuốc tân dược, hóa mỹ phẩm, kinh doanh vật tư dân dụng, văn phòng phẩm, hàng công nghệ phẩm, kinh doanh vaccine và sinh phẩm y tế, kinh doanh thuốc thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh thiết bị y tế và vật tư y tế, thiết bị khoa học kỹ thuật;
- Sản xuất các mặt hàng thuốc đông dược, tân dược;
- Đầu tư hoạt động phòng khám đa khoa – phòng mạch;...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Công	Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Văn Bốn	Thành viên HĐQT
Ông Trần Thanh Minh	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Quỳnh Nga	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đức Anh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Thanh Minh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thủy	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Minh - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Trần Thanh Minh

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0313/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 22 tháng 02 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		313.673.190.503	328.487.346.966
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.341.176.654	13.892.494.529
1. Tiền	111		10.341.176.654	13.892.494.529
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.886.927.717	186.707.736.663
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	144.686.893.298	155.450.516.049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.595.841.994	13.204.736.203
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	13.604.192.425	18.052.484.411
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	130.040.685.616	125.900.874.848
1. Hàng tồn kho	141		130.040.685.616	125.900.874.848
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		404.400.516	1.986.240.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	234.822.303	1.063.321.171
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61.292.850	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	108.285.363	922.919.755
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.490.816.542	119.917.467.858
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		98.471.078.785	112.695.724.533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	93.933.803.261	110.103.825.468
<i>Nguyên giá</i>	222		322.748.613.040	321.928.613.040
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(228.814.809.779)	(211.824.787.572)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.537.275.524	2.591.899.065
<i>Nguyên giá</i>	228		4.826.282.665	2.727.899.065
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(289.007.141)	(136.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.357.759.460	1.218.644.635
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.357.759.460	1.218.644.635
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.131.228.195	2.931.228.195
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	2.070.228.195	2.070.228.195
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	861.000.000	861.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	200.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.530.750.102	3.071.870.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.530.750.102	3.071.870.495
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		420.164.007.045	448.404.814.824

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		292.496.746.613	320.962.484.352
I. Nợ ngắn hạn	310		292.496.746.613	289.891.383.102
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	52.481.919.802	42.986.091.635
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.528.013.893	115.330.496
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.441.516.803	1.224.022.462
4. Phải trả người lao động	314		6.818.165.581	5.430.496.467
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.059.848	3.059.848
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	8.012.183.369	6.538.981.003
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	222.211.887.317	233.593.401.191
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	31.071.101.250
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	31.071.101.250
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.667.260.432	127.442.330.472
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	127.359.450.432	127.134.520.472
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.716.140.000	74.716.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.716.140.000	74.716.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.777.745.451	36.777.745.451
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(43.930.000)	(43.930.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.354.783.995	12.354.783.995
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.554.710.986	3.329.781.026
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.329.781.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.554.710.986	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		307.810.000	307.810.000
1. Nguồn kinh phí	431		307.810.000	307.810.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		420.164.007.045	448.404.814.824

Người lập biểu



Trần Thị Nga

Kế toán trưởng



Lê Xuân Thủy

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	581.553.776.128	505.272.247.348
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	160.125.898	56.574.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		581.393.650.230	505.215.673.048
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	389.716.594.533	339.988.421.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.677.055.697	165.227.251.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	451.018.919	104.753.959
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.544.302.434	16.866.732.549
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.438.187.724	16.858.916.349
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	146.459.591.559	120.366.607.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	25.447.612.893	24.515.110.318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.676.567.730	3.583.555.625
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.040.109.823	866.253.153
12. Chi phí khác	32	VI.9	62.198.891	249.438.497
13. Lợi nhuận khác	40		977.910.932	616.814.656
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.654.478.662	4.200.370.281
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.099.767.676	870.589.255
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.554.710.986</u>	<u>3.329.781.026</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>476</u>	<u>400</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>476</u>	<u>400</u>

Người lập biểu

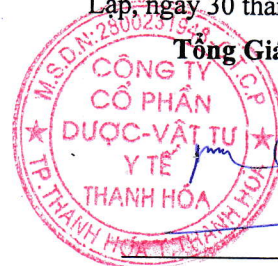
Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Lê Xuân Thủy

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.654.478.662	4.200.370.281
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	17.143.029.348	17.871.267.794
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(309.643.600)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(129.150.000)	(99.716.784)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	16.438.187.724	16.858.916.349
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.796.902.134	38.830.837.640
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.655.483.654	(8.262.128.463)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.139.810.768)	(25.990.470.475)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.447.917.164	(744.796.087)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.369.619.261	2.708.694.786
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.438.187.724)	(18.039.812.493)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.161.810.055)	(882.064.321)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(424.225.792)	(475.543.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.105.887.874	(12.855.282.913)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.057.498.425)	(3.730.665.618)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		129.150.000	99.716.784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.128.348.425)	(3.630.948.834)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

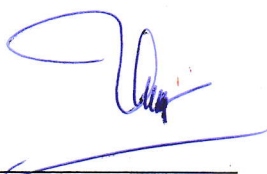
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	439.000.152.652		566.610.041.327
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(481.452.767.776)		(539.687.741.260)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		2.923.757.800		(2.916.206.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.528.857.324)		24.006.093.727
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.551.317.875)		7.519.861.980
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.892.494.529		6.372.632.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.341.176.654		13.892.494.529

Người lập biểu



Trần Thị Nga

Kế toán trưởng



Lê Xuân Thủy

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh thuốc tân dược, hóa mỹ phẩm, kinh doanh vật tư dân dụng, văn phòng phẩm, hàng công nghệ phẩm, kinh doanh vaccine và sinh phẩm y tế, kinh doanh thuốc thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh thiết bị y tế và vật tư y tế, thiết bị khoa học kỹ thuật;
- Sản xuất các mặt hàng thuốc đông dược, tân dược;
- Đầu tư hoạt động phòng khám đa khoa – phòng mạch;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc (Đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính):

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa tại Thành phố Hà Nội	Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Thanh Hóa tại thành phố Hải Phòng	Thôn Quỳnh Hoàng – xã Nam Sơn – huyện An Dương – Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa	Số 652/25/4 Cộng hòa Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 775 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 798 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 14 năm

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.658.534.748	10.717.797.139
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.682.641.906	3.174.697.390
Cộng	10.341.176.654	13.892.494.529

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Lã khoản trái phiếu của Ngân hàng Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa, mã trái phiếu AGRIBANK223001, mệnh giá 100.000 VND, số lượng: 2.000 trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 08 năm, ngày đáo hạn 30/12/2030.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	2.070.228.195	-	-	2.070.228.195	-	-
Công ty TNHH MTV Dược Thanh Hóa – Hòa Phần ⁽ⁱ⁾	2.070.228.195	-	-	2.070.228.195	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	861.000.000	-	-	861.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Vật tư Y tế Thanh Hóa	861.000.000	-	-	861.000.000	-	-
Cộng	2.931.228.195	-	-	2.931.228.195	-	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 09/UPQLVĐT-HP do Ủy ban khuyến khích và quản lý đầu tư trong nước và nước ngoài tỉnh Hòa Phần, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp ngày 28 tháng 04 năm 2011, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dược Thanh Hóa – Hòa Phần số tiền 100.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh viện Đa khoa Nông Cống	1.075.439.764	689.366.393
Bệnh viện Đa khoa Thị xã Bim Sơn	4.060.021.183	3.419.928.963
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thanh hóa	1.970.061.223	1.970.061.223
Phải thu các khách hàng của chi nhánh nội tỉnh	87.279.107.562	99.194.970.255
Phải thu các khách hàng của chi nhánh Hà Nội	7.940.586.297	7.144.287.530
Phải thu các khách hàng của chi nhánh Hải Phòng	13.996.824.816	12.538.139.541
Phải thu các khách hàng của CN Hồ Chí Minh	7.097.524.050	15.087.901.939
Các khách hàng khác	21.267.328.403	15.405.860.205
Cộng	144.686.893.298	155.450.516.049

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xúc tiến Đầu tư Thương mại Xây dựng Thanh Hóa	9.749.528.000	9.865.028.000
Topfond Pharmaceutical Co.,ltd	1.691.930.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.154.383.994	3.339.708.203
Cộng	14.595.841.994	13.204.736.203



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.310.059.386	-	6.957.776.000	-
Ký cược, ký quỹ	81.000.000	-	81.000.000	-
Chi thừa quỹ khen thưởng phúc lợi	152.211.211	-	70.878.044	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.060.921.828	-	10.942.830.367	-
Cộng	13.604.192.425	-	18.052.484.411	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	50.616.027.824	37.851.994.502
Công cụ, dụng cụ	724.353.240	689.848.736
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	8.479.362.893
Thành phẩm	45.958.049.721	27.717.359.820
Hàng hóa	32.742.254.831	51.162.308.897
Cộng	130.040.685.616	125.900.874.848

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	53.670.000	967.701.775
Chi phí bảo hiểm	181.152.303	60.905.419
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	34.713.977
Cộng	234.822.303	1.063.321.171

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	535.706.308	798.971.894
Chi phí sửa chữa	632.114.400	193.180.776
Chi phí thuê đất	1.362.929.394	1.860.273.376
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	219.444.449
Cộng	2.530.750.102	3.071.870.495

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	116.874.181.735	187.378.535.908	17.532.909.989	142.985.408	321.928.613.040
Mua trong năm	-	820.000.000	-	-	820.000.000
Số cuối năm	116.874.181.735	188.198.535.908	17.532.909.989	142.985.408	322.748.613.040
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.082.057.995	88.782.312.859	12.914.814.898	142.985.408	110.922.171.160
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	53.878.267.367	142.147.232.161	15.656.302.636	142.985.408	211.824.787.572
Khấu hao trong năm	4.522.532.484	11.869.326.156	598.163.567	-	16.990.022.207
Số cuối năm	58.400.799.851	154.016.558.317	16.254.466.203	142.985.408	228.814.809.779
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	62.995.914.368	45.231.303.747	1.876.607.353	-	110.103.825.468
Số cuối năm	58.473.381.884	34.181.977.591	1.278.443.786	-	93.933.803.261
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.591.899.065	136.000.000	-	2.727.899.065
Mua trong năm	-	-	2.098.383.600	2.098.383.600
Số cuối năm	2.591.899.065	136.000.000	2.098.383.600	4.826.282.665
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	136.000.000	-	136.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	136.000.000	-	136.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	153.007.141	153.007.141
Số cuối năm	-	136.000.000	153.007.141	289.007.141
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.591.899.065	-	-	2.591.899.065
Số cuối năm	2.591.899.065	-	1.945.376.459	4.537.275.524
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn Châu Âu tại xã Hoàng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 782.633.344 VND (năm trước là 609.553.726VND).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Meza	2.687.574.598	3.698.602.690
Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng	7.003.133.708	2.862.493.042
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinacare	4.945.390.300	285.061.073
Inner Monglia Changsheng Pharmaceutical Co.ltd	3.971.550.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Santa Việt Nam	244.684.440	4.398.617.862
Các nhà cung cấp khác	33.629.586.756	31.741.316.968
Cộng	<u>52.481.919.802</u>	<u>42.986.091.635</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	781.627.658	-	8.244.273.164	(7.875.318.340)	-	1.150.582.482	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	60.457.404	6.830.867.262	(6.878.695.221)	-		- 108.285.363
Thuế xuất, nhập khẩu	-	97.827.751	1.259.867.262	(1.162.039.511)	-		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.746.597	-	1.099.767.676	(1.161.810.055)	(65.497.000)	209.207.218	
Thuế thu nhập cá nhân	105.648.207	-	1.673.345.549	(1.697.266.653)	-	81.727.103	
Thuế nhà đất	-	-	177.585.046	(177.585.046)	-		-
Tiền thuê đất	-	764.634.600	3.775.984.218	(3.011.349.618)	-		-
Các loại thuế khác	-	-	177.000.000	(177.000.000)	-		-
Cộng	<u>1.224.022.462</u>	<u>922.919.755</u>	<u>23.238.690.177</u>	<u>(22.141.064.444)</u>	<u>(65.497.000)</u>	<u>1.441.516.803</u>	<u>108.285.363</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%-10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.654.478.662	4.200.370.281
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	40.692.426	249.438.497
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.695.171.088	4.449.808.778
Thu nhập được miễn thuế	(129.150.000)	(96.862.500)
Thu nhập tính thuế	4.566.021.088	4.352.946.278
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	913.204.218	870.589.255
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước ^(*)	186.563.458	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.099.767.676	870.589.255

(*) Là tiền thuế bị truy thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 2601/QĐ-CTTHN ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Chi nhánh Công ty tại thành phố Hà Nội phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội số 4067.18/TB-CCT-TTHTNNT-TBTK ngày 28 tháng 4 năm 2022, đối với diện tích 3.387 m² đất tại Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hạ Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội với đơn giá 71.820 VND/m².

Các chi nhánh nội tỉnh của Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Tỉnh Thanh Hóa số 01,02/TB-CT ngày 29 tháng 4 năm 2022 với tổng diện tích thuê là 43.140 m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	330.669.382	267.538.782
Phải trả người lao động về góp vốn	144.150.000	144.150.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.537.363.987	6.127.292.221
Cộng	8.012.183.369	6.538.981.003

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	171.045.144.558	163.534.338.432
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Thanh Hóa⁽ⁱ⁾</i>	92.006.805.571	70.535.711.232
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa⁽ⁱⁱ⁾</i>	79.038.338.987	92.998.627.200
Vay ngắn hạn các cá nhân⁽ⁱⁱⁱ⁾	51.166.742.759	70.059.062.759
Cộng	222.211.887.317	233.593.401.191

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-202204640 ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa. Hạn mức cấp tín dụng: 100.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay vốn lưu động sản xuất kinh doanh thuốc tân dược, thuốc đông dược và thực phẩm chức năng theo quy định của pháp luật. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng, Lãi suất cho vay là 7%/ năm. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 137,5 tỉ đồng.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT420-THEPHACO ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa. Tổng mức dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá: 120.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, vật tư y tế...phù hợp với đăng ký kinh doanh của công ty. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh được quy định trên từng Giấy Nhận Nợ và sẽ được điều chỉnh vào ngày mùng mười (10) của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất hoặc ngày làm việc liền kề trước đó nếu ngày mùng mười (10) đó không phải là ngày làm việc.
- (iii) Là các khoản vay cá nhân với lãi suất huy động thả nổi thấp hơn lãi suất vay ngân hàng và cao hơn lãi tiền gửi ngân hàng trong năm. Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay tùy theo nhu cầu của người cho vay, lãi vay thanh toán khi tất toán hợp đồng vay. Lãi suất cho vay theo từng thông báo huy động vốn của bên vay tại từng thời điểm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	163.534.338.432	343.896.452.844	(336.385.646.718)	171.045.144.558
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Thanh Hóa⁽ⁱ⁾</i>	70.535.711.232	131.764.386.452	(110.293.292.113)	92.006.805.571
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa⁽ⁱⁱ⁾</i>	92.998.627.200	212.132.066.392	(226.092.354.605)	79.038.338.987
Vay ngắn hạn các cá nhân	70.059.062.759	95.103.699.808	(113.996.019.808)	51.166.742.759
Cộng	233.593.401.191	439.000.152.652	(450.381.666.526)	222.211.887.317

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓAĐịa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TÓNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	74.716.140.000	36.777.745.451	(43.930.000)	12.354.783.995	3.695.482.519	127.500.221.965
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	3.329.781.026	3.329.781.026
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(708.594.119)	(708.594.119)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(2.986.888.400)	(2.986.888.400)
Số dư cuối năm trước	74.716.140.000	36.777.745.451	(43.930.000)	12.354.783.995	3.329.781.026	127.134.520.472
Số dư đầu năm nay	74.716.140.000	36.777.745.451	(43.930.000)	12.354.783.995	3.329.781.026	127.134.520.472
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	3.554.710.986	3.554.710.986
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(342.892.626)	(342.892.626)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(2.986.888.400)	(2.986.888.400)
Số dư cuối năm nay	74.716.140.000	36.777.745.451	(43.930.000)	12.354.783.995	3.554.710.986	127.359.450.432

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15a. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.471.614	7.471.614
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.471.614	7.471.614
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.393	4.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.467.221	7.467.221

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15b. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 2.986.888.400
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 342.892.626

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	121.719.072.135	124.472.930.963
Doanh thu bán thành phẩm	459.834.703.993	379.067.168.121
Doanh thu khác	-	1.732.148.264
Cộng	<u>581.553.776.128</u>	<u>505.272.247.348</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	160.125.898	56.574.300

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	106.148.773.802	118.207.911.646
Giá vốn của thành phẩm đã bán	283.567.820.731	221.780.509.854
Cộng	<u>389.716.594.533</u>	<u>339.988.421.500</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.225.319	2.854.284
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.150.000	96.862.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	309.643.600	5.037.175
Cộng	<u>451.018.919</u>	<u>104.753.959</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.438.187.724	16.858.916.349
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	106.114.710	7.816.200
Cộng	<u>16.544.302.434</u>	<u>16.866.732.549</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	41.818.764.760	39.698.995.981
Chi phí vật liệu, bao bì	1.182.247.822	2.076.149.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.916.262.501	1.520.999.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.686.177.198	21.311.282.568
Các chi phí khác	70.856.139.278	55.759.178.541
Cộng	<u>146.459.591.559</u>	<u>120.366.607.015</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.409.830.398	18.865.919.425
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.611.213.365	1.070.212.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	429.061.741	625.833.622
Thuế, phí và lệ phí	389.695.604	413.576.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.548.309.174	90.000.000
Các chi phí khác	2.059.502.611	3.449.568.533
Cộng	<u>25.447.612.893</u>	<u>24.515.110.318</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu phí khoán	873.000.000	765.000.000
Thu nhập khác	167.109.823	101.253.153
Cộng	<u>1.040.109.823</u>	<u>866.253.153</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.595.507	190.716.669
Khấu hao các tài sản xe ô tô trên 1,6 tỷ	-	55.352.000
Chi phí khác	56.603.384	3.369.828
Cộng	<u>62.198.891</u>	<u>249.438.497</u>

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.554.710.986	3.329.781.026
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(342.892.626)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.554.710.986	2.986.888.400
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.467.221	7.467.221
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>.476</u>	<u>400</u>

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa ước tính được lợi nhuận có thể được dùng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có thông tin. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 446 VND xuống còn 400 VND. Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	282.691.031.275	305.280.274.078
Chi phí nhân công	85.049.364.802	105.744.734.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.143.029.348	17.871.267.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.714.951.938	49.968.879.201
Chi phí khác	8.812.405.745	7.118.827.752
Cộng	446.410.783.108	485.983.983.519

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý				
Trần Văn Công	Chủ tịch HĐQT	-	22.500.000	22.500.000
Cao Văn Bốn	Thành viên HĐQT	-	22.500.000	22.500.000
Trần Thanh Minh	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	360.000.000	22.500.000	382.500.000
Lê Xuân Thủy	Kế toán trưởng	254.625.300	-	254.625.300
Ban kiểm soát				
Phạm Thị Quỳnh Nga	Trưởng ban	212.466.923	9.616.000	222.082.923
Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	182.258.742	7.692.000	189.950.742
Vũ Đức Anh	Thành viên	200.531.947	15.192.000	215.723.947
Cộng		1.209.882.912	100.000.000	1.309.882.912

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước				
Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý				
Trần Văn Công	Chủ tịch HĐQT	-	22.500.000	22.500.000
Cao Văn Bốn	Thành viên HĐQT	-	22.500.000	22.500.000
Trần Thanh Minh	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	360.000.000	22.500.000	382.500.000
Lê Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc	80.000.000	-	80.000.000
Lê Xuân Thủy	Kế toán trưởng	240.000.000	-	240.000.000
Ban kiểm soát				
Phạm Thị Quỳnh Nga	Trưởng ban	167.000.000	9.616.000	176.616.000
Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	180.000.000	7.692.000	187.692.000
Vũ Đức Anh	Thành viên	180.000.000	15.192.000	195.192.000
Cộng		1.207.000.000	100.000.000	1.307.000.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược Thanh Hóa – Hòa Phần	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Vật tư Y tế Thanh Hóa	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty của thành viên chủ tốt
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Hà Tây	Công ty của thành viên chủ tốt
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển MSPTM Việt Nam	Công ty của thành viên chủ tốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thiết bị Vật tư Y tế Thanh Hóa		
Nhận cổ tức	129.150.000	96.862.500

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Trong năm trước Công ty đã trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Dược Thanh Hóa – Hòa Phần trên khoản mục “Tài sản cố định hữu hình”.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>				
Tài sản cố định hữu hình	221	112.174.053.663	(2.070.228.195)	110.103.825.468
Nguyên giá	222	324.810.701.190	(2.882.088.150)	321.928.613.040
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(212.636.647.527)	811.859.955	(211.824.787.572)
Đầu tư vào công ty con	251		- 2.070.228.195	2.070.228.195

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu



Trần Thị Nga

Kế toán trưởng



Lê Xuân Thủy

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Minh